

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG PHỔ THÔNG CƠ SỞ HỢP NHẤT



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

*Một số biện pháp nâng cao chất lượng giải toán có lời văn
cho học sinh lớp 2*

Tên tác giả	: Đinh Thị Xuân
Đơn vị công tác	: Trường PTCS Hợp Nhất
Chức vụ	: Giáo viên

Năm học: 2023 – 2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. TÍNH CẤP THIẾT TIỀN HÀNH SÁNG KIẾN.

Năm học 2023-2024 là năm thứ ba lớp 2 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Mục tiêu của chương trình lớp 2 là dạy và học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh. Vì thế, việc đổi mới phương pháp dạy học theo chương trình sách giáo khoa mới là một nhiệm vụ hết sức cấp thiết và phải được thực hiện ở tất cả các môn học, đặc biệt là môn Toán. Yêu cầu đặt ra đối với giáo viên là phải thực sự đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh, giáo viên chỉ là người tổ chức, hướng dẫn để hoạt động học tập diễn ra “nhẹ nhàng hơn, tự nhiên hơn và chất lượng hơn” nhằm phát huy khả năng tư duy, tự tìm tòi, tự khám phá tri thức của học sinh. Trong thực tế dạy học, qua những năm giảng dạy môn Toán ở lớp 2 và trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp, qua các tiết dự giờ, tôi thấy một số học sinh trong quá trình học còn thụ động, không thích học môn Toán vì nó quá khô khan, không thú vị, các em còn lúng túng khi giáo viên tổ chức các hoạt động học tập, vận dụng chưa linh hoạt và nhanh nhẹn trong một số trường hợp đơn giản trong thực tế cuộc sống.

Môn Toán là một trong những môn học quan trọng trong trường Tiểu học. Nó góp phần quan trọng trong việc rèn luyện phương pháp suy luận, phát triển tính logic, trí thông minh và nhiều thao tác trí tuệ. Nó còn góp phần hình thành các phẩm chất của người lao động như: cần cù, cẩn thận, ý chí vượt khó.

Nói đến toán học ta không thể không nhắc đến các bài toán có lời văn. Ở lớp 2, các em được làm quen với các bài toán có lời văn ở mức độ đơn giản và chúng được xuyên suốt trong toàn bộ quá trình học toán của các em. Thực tế, học sinh lớp 2 có thể làm các phép tính hoặc dãy tính một cách đơn giản nhưng lại gặp nhiều khó khăn, lúng túng khi giải các bài toán có lời văn.

Xuất phát từ vị trí của môn toán và tầm quan trọng của việc dạy học giải toán có lời văn cùng với nhu cầu đặt ra là đổi mới phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học, dạy thế nào để giúp học sinh phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các em và rèn được kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh. Căn cứ vào thực tế dạy - học của giáo viên và học sinh lớp 2, tôi mạnh dạn chọn vấn đề: ***“Một số biện pháp nâng cao chất lượng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2”***.

2. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI

- Nghiên cứu đề tài này giúp bản thân tôi cũng như đồng nghiệp có được những hiểu biết cơ bản về cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc rèn kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2 trong Nhà trường Tiểu học hiện nay. Qua đề tài này, tôi có điều kiện học hỏi, trao đổi thêm kinh nghiệm với đồng nghiệp để tìm ra phương pháp hiệu quả nhất và nâng cao tính tích cực, sáng tạo của học

sinh trong giải toán có lời văn.

- Giúp học sinh phát triển các kỹ năng giải toán có lời văn lớp 2 thành thạo và vận dụng kỹ năng tính toán trong cuộc sống hằng ngày.

3 .THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

- Sáng kiến được thực hiện từ tháng 9/ 2023 đến hết tháng 4/ 2024.
- Đối tượng nghiên cứu: Biện pháp nâng cao chất lượng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2.
- Phạm vi nghiên cứu: môn Toán lớp 2 sách Kết nối tri thức với cuộc sống.
- Phương pháp nghiên cứu lí luận: Đọc các tài liệu liên quan đến dạy học Toán ở lớp 2.
- Phương pháp điều tra, quan sát: Dự giờ đồng nghiệp, quan sát việc dạy của giáo viên và việc học của học sinh trong các giờ Toán lớp 2.
- Phương pháp thực nghiệm sư phạm.
- Phương pháp phân tích tổng hợp và tổng kết kinh nghiệm.

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. HIỆN TRẠNG VẤN ĐỀ

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, năng lực của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”*.

Để thực hiện tốt mục tiêu về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, cần có nhận thức đúng về bản chất của đổi mới phương pháp dạy học môn Toán ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực người học, và một số biện pháp đổi mới phương pháp dạy học theo hướng này nhằm phát triển năng lực của học sinh.

Đứng trước yêu cầu về mục tiêu giáo dục chương trình GDPT 2018, với quan điểm giáo viên cần phải thay đổi cách nghĩ, cách làm, phải có sự chuyển đổi phương pháp dạy học tiếp cận nội dung sáng tạo dạy học theo hướng tiếp cận năng lực, tôi đã mạnh dạn đưa ra một số những phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực của học sinh. Trong chương trình giảng dạy môn toán ở bậc Tiểu học, mảng kiến thức về giải toán có lời văn là rất quan trọng. Nội dung của việc giải toán gắn chặt với nội dung của số học, số tự nhiên, các số thập phân, các đại lượng cơ bản và các yếu tố đại số, hình học có trong chương trình; thể hiện ở các điểm sau:

a) Các khái niệm và các quy tắc về toán trong sách giáo khoa, nói chung đều được giảng dạy thông qua việc giải toán. Việc giải toán giúp học sinh củng

cố, vận dụng các kiến thức, rèn luyện kỹ năng tính toán. Đồng thời qua việc giải toán của học sinh mà giáo viên có thể dễ dàng phát hiện những ưu điểm hoặc thiếu sót của các em về kiến thức, kỹ năng và tư duy để giúp các em khắc phục và phát huy.

b) Việc kết hợp học với hành, kết hợp giảng dạy với đời sống được thực hiện thông qua việc cho học sinh giải toán, các bài toán liên hệ với cuộc sống một cách thích hợp giúp học sinh hình thành và rèn luyện những kỹ năng thực hành cần thiết trong đời sống hàng ngày, giúp các em biết vận dụng những kỹ năng đó trong cuộc sống.

c) Việc giải toán góp phần quan trọng trong việc xây dựng cho học sinh những cơ sở ban đầu của lòng yêu nước, thế giới quan duy vật biện chứng: Việc giải toán với những đề tài thích hợp, có thể giới thiệu cho các em những thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước, góp phần giáo dục các em ý thức bảo vệ môi trường, phát triển dân số có kế hoạch... Việc giải toán còn có thể giúp các em thấy được nhiều khái niệm toán học: các số, các phép tính, các đại lượng... đều có nguồn gốc trong cuộc sống hiện thực, trong hoạt động của con người, thấy được các mối quan hệ giữa các dữ kiện, giữa cái đã cho và cái phải tìm..

d) Việc giải toán góp phần quan trọng vào việc rèn luyện cho học sinh năng lực tư duy và những đức tính tốt của người lao động mới. Khi giải một bài toán, tư duy của học sinh phải hoạt động một cách tích cực vì các em cần phân biệt cái gì đã cho và cái gì cần tìm, để các em thiết lập mối liên hệ giữa các dữ kiện. Từ đó các em suy luận, nêu ra những phán đoán, rút ra những kết luận, thực hiện những phép tính cần thiết để giải quyết vấn đề đặt ra... Hoạt động trí tuệ có trong việc giải toán góp phần giáo dục cho các em ý chí vượt khó, đức tính cẩn thận, làm việc có kế hoạch, thói quen xem xét có căn cứ, thói quen tự kiểm tra kết quả công việc mình làm sau khi đã hoàn tất, sự độc lập suy nghĩ và sự sáng tạo...

Ở lớp 2, các em đã được làm quen và thực hành giải bài toán có lời văn xuyên suốt trong toàn bộ quá trình học. Thực tế, học sinh tiểu học có thể làm các phép tính hoặc dãy tính một cách đơn giản nhưng lại gặp nhiều khó khăn, lúng túng khi giải các bài toán có lời văn. Xuất phát từ vị trí của môn Toán và tầm quan trọng của việc dạy học giải toán có lời văn cùng với nhu cầu đặt ra là đổi mới phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học, dạy thế nào để giúp học sinh phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các em và rèn được kỹ năng giải toán có lời văn cho học sinh. Căn cứ vào thực tế dạy học của giáo viên và học sinh lớp 2, tôi mạnh dạn chọn vấn đề: ***“Một số biện pháp nâng cao chất lượng trong dạy giải toán có lời văn lớp 2”***.

2. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Năm học 2023 - 2024, tôi được nhà trường phân công giảng dạy lớp 2A. Lớp tôi có tổng số 22 học sinh. Được sự quan tâm của Phòng giáo dục và Ban giám hiệu nhà trường mà trường lớp khang trang, cơ sở vật chất đầy đủ. Nhưng bên cạnh đó tôi thấy có những thuận lợi và khó khăn khi dạy học giải toán có lời văn như sau:

a. Thuận lợi

Giáo viên được tập huấn về chương trình GDPT 2018, về đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với từng môn học. Hơn nữa, hầu hết giáo viên đều tích cực đọc tài liệu, nghiên cứu, vận dụng linh hoạt các phương pháp vào quá trình giảng dạy.

Đa số phụ huynh quan tâm đến việc học của con, tạo điều kiện cho các em học tập. Nhiều học sinh chăm chỉ học tập, ưa tìm tòi, khám phá, nhất là đối với môn Toán.

b. Khó khăn

** Về phía giáo viên*

Trong giảng dạy, có giáo viên lựa chọn phương pháp dạy học chưa thực sự linh hoạt. Vì thế, chưa phát huy được tính tích cực của học sinh, đặc biệt là những học sinh có năng khiếu. Một số giáo viên có lúc còn làm thay học sinh. Khi hướng dẫn cách giải một số bài toán, có giáo viên chưa khắc sâu kiến thức cho học sinh nên hiệu quả và chất lượng học tập của học sinh chưa cao.

** Về phía học sinh*

Khả năng phân tích đề của học sinh còn hạn chế. Khi giải toán, đa số các em biết chọn phép tính giải thích hợp nhưng chọn câu lời giải thì có em còn lúng túng, có khi trả lời thiếu, có khi trả lời thừa, có lúc trả lời sai. Có em ghi đáp số còn thiếu chính xác. Học sinh rất lúng túng khi nêu câu lời giải, thậm chí nêu sai câu lời giải, viết sai phép tính, viết sai đáp số.

Trình độ học sinh trong lớp không đồng đều. Bên cạnh những em học tốt, tiếp thu nhanh vẫn còn một số em tiếp thu bài chậm, học trước quên sau.

Sau đây là kết quả khảo sát của lớp 2A trong thời gian đầu năm học giải toán có lời văn:

Thời điểm	Số số	HS viết đúng câu lời giải		HS viết đúng phép tính		HS viết đúng đáp số		HS giải đúng cả 3 bước	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đầu năm	22	12	45,5	9	40,9	10	45,5	8	36,3

Như vậy, qua kết quả điều tra, ta thấy: Số học sinh thực hiện và trình bày đúng, đủ cả ba phần khi giải một bài toán lời văn rất thấp.

3. KẾT QUẢ SAU KHI ÁP DỤNG CÁC GIẢI PHÁP SÁNG KIẾN.

Tìm hiểu một số nguyên nhân kết quả dạy - học môn Toán chưa cao, chưa phát huy được tính tích cực cho học sinh. Đồng thời đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả dạy học giải toán có lời văn theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh lớp 2 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống. Góp phần đổi mới phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học theo phương hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, tăng cường hoạt động cá nhân phối hợp với học tập nhóm, cả lớp. Hình thành và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực.

a Biện pháp 1. Làm quen và nắm chắc các dạng bài toán có lời văn và cách giải từng dạng bài .

Sách giáo khoa Toán lớp 2 bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống đưa ra 3 dạng bài toán có lời văn cơ bản để giới thiệu với học sinh. Tôi hướng dẫn học sinh nắm chắc các dạng bài toán có lời văn sau:

* Bài toán về hơn, kém nhau bao nhiêu

Bài 1:

Số chim cành trên hơn số chim cành dưới mấy con?

Bài giải

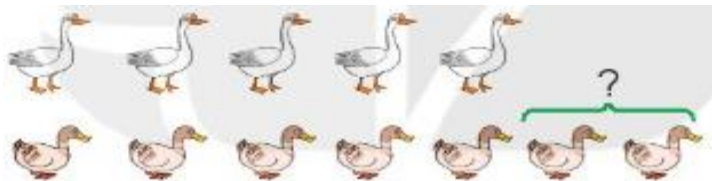
Số chim cành trên hơn số chim cành dưới là:

$$\boxed{?} - \boxed{?} = \boxed{?} \text{ (con)}$$

Đáp số: $\boxed{?}$ con chim.



Bài 2: Số ngỗng kém số vịt mấy con?



Ở giai đoạn đầu, bài toán đưa ra để học sinh làm quen trước hết là các tình huống được diễn tả qua tranh vẽ. Yêu cầu chỉ ở mức độ học sinh quan sát tranh, phân tích nội dung của tranh. Từ đó, nêu được bài toán (đề toán) rồi viết được phép tính giải (chưa đòi hỏi học sinh trình bày bài hoàn chỉnh). Hình thức của loại bài tập này là: Điền số thích hợp vào phép tính trong phần bài giải. Mục đích là giúp học sinh hình thành kỹ năng biểu thị một tình huống của bài toán bằng một phép tính tương ứng với tranh vẽ hoặc học sinh có thể nêu các phép tính khác nhau, phù hợp với tình huống của bài toán. Sau đó các em được thực hành làm các bài tập và trình bày bài giải hoàn chỉnh. Với loại bài tập này, tôi hướng dẫn học sinh thực hiện qua 3 bước:

- Bước 1: Quan sát tranh vẽ (phân tích nội dung tranh).

- Bước 2: Nêu bài toán.
- Bước 3: Viết phép tính.

Ví dụ bài 1

Bước 1: Phân tích nội dung tranh (Bức tranh vẽ cảnh có các chú chim đang đậu trên cành hót líu lo)

Bước 2 : Nêu bài toán (Cành trên có 6 con chim, cành dưới có 4 con chim. Hỏi cành trên hơn cành dưới mấy con chim?)

Bước 3 : Viết phép tính (Để biết cành trên hơn cành dưới mấy con chim ta làm phép tính gì? Làm phép tính trừ: $6 - 4 = 2$)

Tương tự như vậy trong bài tập số 2

- Bước 1: Bức tranh vẽ cảnh gì? (Có những chú vịt và ngỗng đang đi kiếm mồi)

- Bước 2 : Nêu bài toán dựa vào bức tranh (Hàng trên có 5 con ngỗng, hàng dưới có 7 con vịt. Hỏi số ngỗng kém số vịt mấy con?)

- Bước 3: Viết phép tính (Để biết số ngỗng kém số vịt mấy con, ta làm phép tính trừ, lấy số lớn trừ đi số bé. “ $7 - 5 = 2$ ”)

* Thông thường khi có từ khóa “hơn” ta sử dụng phép tính cộng nhưng đối với dạng toán “Hơn, kém” nhau bao nhiêu ta thường sử dụng phép trừ. Lấy số lớn – số bé để tìm được phần hơn.

Ví dụ BT3 (SGK T17)

Mai 7 tuổi, bố 38 tuổi. Hỏi bố hơn Mai bao nhiêu tuổi?

Đối với bài toán trên, từ khóa trong bài là “hơn” nhưng ta không sử dụng phép tính cộng. Nếu thực hiện phép tính cộng thì sẽ ra kết quả là tổng số tuổi của hai bố con, không đúng với yêu cầu bài toán. Để biết được bố hơn con bao nhiêu ta làm phép tính trừ (Lấy tuổi của bố là “số lớn” – tuổi của con “số bé”)

Ví dụ BT4 (SGK T18)

Mai gấp được 8 cái thuyền, Nam gấp được 5 cái thuyền. Hỏi Nam gấp kém Mai mấy cái thuyền?

Ở bài toán trên sau khi cho học sinh phân tích bài toán (bài toán cho biết gì “Mai gấp được 8 cái thuyền, Nam gấp được 5 cái thuyền”, bài toán hỏi gì “bài toán hỏi Nam gấp kém Mai mấy cái thuyền”). Từ khóa trong bài toán là từ

“kém”. Vậy để biết kém hơn bao nhiêu ta thực hiện phép tính trừ. Lấy số thuyền của Mai – số thuyền của Nam (Số lớn – số bé).

Cứ như vậy, dần dần qua các tiết hình thành cho học sinh tư duy suy luận ở mức độ cao hơn. Những từ khóa trong bài, thực hiện phép tính gì trong bài toán, vì sao lại thực hiện phép tính đó.

*** Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị**

Bài toán về thêm một số đơn vị

Bài toán 1: Trên khay có 8 quả trứng, Mai cho thêm 2 quả trứng. Hỏi trên khay có tất cả bao nhiêu quả trứng?

Học sinh lớp 2, bước đầu các em mới được làm quen và giải toán có lời văn về dạng “thêm - bớt”. Các em còn lúng túng trong cách giải, vốn từ, vốn hiểu biết, khả năng tư duy logic của các em còn rất hạn chế. Vì vậy tôi phân tích và giảng giải cho các em từng bước như sau:

+ Bước 1: Phân tích bài toán

Bài toán cho biết gì ? (Trên khay có 8 quả trứng, Mai cho thêm 2 quả trứng)

Bài toán hỏi gì? (Bài toán hỏi có tất cả bao nhiêu quả trứng?)

+ Bước 2 : Tóm tắt bài toán

Có : 8 quả trứng

Thêm : 2 quả trứng

Có tất cả: ... quả trứng?

+ Bước 3: Trình bày bài giải

Khi trình bày bài giải học sinh thực hiện theo 3 bước: Lời giải, phép tính, đáp số.

Bài giải

Có tất cả số quả trứng là:

$$8 + 2 = 10 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 10 quả trứng

Như vậy đối với dạng toán thêm một số đơn vị, ta dùng phép tính cộng với các từ khóa có trong bài (thêm, cắm thêm, cho thêm ...)

Bài toán bớt một số đơn vị

Bài toán 2: Có 10 con chim đậu trên cành, sau đó 3 con bay đi. Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con chim?

Tương tự như dạng toán thêm một số đơn vị, đối với dạng toán này tôi cũng hướng dẫn các em thực hiện các bước như sau:

- Bước 1 : Phân tích bài toán

+ Bài toán cho biết gì? (Có 10 con chim đậu trên cành, sau đó 3 con bay đi)

+ Bài toán hỏi gì? (Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con chim?)

- Bước 2 : Tóm tắt bài toán

Tóm tắt

Có : 10 con chim

Bay đi : 3 con chim

Còn lại :... con chim ?

- Bước 3 : Trình bày bài giải

Bài giải

Số con chim còn lại là:

$$10 - 3 = 7 \text{ (con)}$$

Đáp số: 7 con chim

Tôi yêu cầu học sinh tự đọc, phân tích nội dung để hiểu được tóm tắt, biết diễn đạt đề toán bằng lời và lựa chọn phép tính phù hợp với tình huống của bài toán.

*** Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị**

Khi dạy “Bài toán về nhiều hơn”, tôi hướng dẫn học sinh cách xác định: số lớn, số bé, phần “nhiều hơn”. Khi giải dạng toán này, học sinh vận dụng cách tính: Số lớn = số bé + phần “nhiều hơn”.

Dạng này, học sinh cũng xác định số lớn, số bé, phần “ít hơn” và ghi nhớ: Số bé = Số lớn - phần “ít hơn”. Trong dạng bài này, để vận dụng tốt, mỗi học sinh cần có tư duy chặt chẽ để xác định được đâu thực sự là “Bài toán về nhiều hơn” và đâu là “Bài toán về ít hơn” để có cách giải đúng, tránh nhầm lẫn.

Khi dạy, tôi hướng dẫn để các em phân tích được bài toán, tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng, nhìn vào tóm tắt để xác định yêu cầu của bài toán cho đúng. Mỗi bài toán có lời văn (đề toán) thường có 2 phần chính: Những cái đã cho (đã biết) và những cái phải tìm (chưa biết). Tôi hướng dẫn học sinh xác định các dữ kiện (cái đã cho và cái cần tìm) của bài toán bằng cách dùng phấn màu gạch chân dữ kiện và từ quan trọng của bài toán.

Thời gian đầu, để học sinh dễ hiểu và ghi nhớ tốt, tôi hướng dẫn học sinh: Gạch 1 gạch dưới phần “đề bài cho biết”, gạch 2 gạch dưới phần “đề bài hỏi” trong mỗi bài toán đó.

Ví dụ: Bài 2 - Trang 51:

Trên sân có 14 con gà, số vịt nhiều hơn số gà là 5 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con vịt?

Cứ như vậy, dần dần các em được làm quen và nắm chắc cấu tạo của bài toán có lời văn với đầy đủ với các thành tố: cái đã cho, cái phải tìm.

b. Biện pháp 2. Hướng dẫn học sinh nắm được quy trình và hình thành kỹ năng giải các bài toán có lời văn.

Việc hướng dẫn học sinh giải bài toán có lời văn được sắp xếp từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Thời gian đầu, yêu cầu học sinh quan sát tranh, điền số thích hợp vào phép tính và đáp số trong phần bài giải có sẵn. Tiếp theo là yêu cầu học sinh tự phân tích, tìm hiểu bài toán, tự tóm tắt bài toán, tự giải và trình bày bài giải với đầy đủ các thành tố: câu lời giải, phép tính và đáp số.

Tôi hướng dẫn tỉ mỉ từng bước giải sao cho các em dễ hiểu, dễ nhớ, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Để giúp học sinh hiểu bài, giải được bài toán, trình bày đúng, đẹp, ngoài các bước vẫn làm như sách giáo khoa, sách hướng dẫn đó là: đọc kỹ đề toán, tóm tắt và giải bài toán, tôi còn

hướng dẫn học sinh phân tích kĩ và tỉ mỉ hơn. Đối với từng bước và đặc biệt sau mỗi bài toán, tôi đều cho học sinh tìm hiểu sâu thêm bài toán. Cụ thể, khi giải bài toán có lời văn, tôi cho các em làm theo các bước sau:

1) Bước 1: Tìm hiểu nội dung bài toán.

Để giải được bài toán, học sinh phải tìm hiểu bài toán. Vì vậy, tôi đã hướng dẫn học sinh đọc kĩ đề toán, hiểu chắc chắn một số từ quan trọng nói lên tình huống toán học bị che lấp dưới cái vỏ ngôn ngữ thông thường như: thêm, mua thêm, tặng, biếu, bớt, cho, bay đi, cắt đi, ăn đi, bán đi, nhiều hơn, ít hơn...

Sau đó hỏi học sinh: Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi ta điều gì?

Giúp học sinh nắm vững hơn các thành tố trong bài toán, đặc biệt là những học sinh tư duy còn chậm, tôi yêu cầu học sinh gạch chân dưới câu hỏi của đề toán.

2) Bước 2: Tóm tắt bài toán

Tóm tắt là trình bày một cách ngắn gọn, cô đọng phần đã cho và phần phải tìm của đề toán để làm nổi bật trọng tâm của bài toán, thể hiện được rõ bản chất toán học của bài toán, thể hiện được mối quan hệ giữa các thông tin đã biết và thông tin cần tìm trong bài toán. Phần tóm tắt không nằm trong lời giải của bài toán, nhưng tóm tắt cần được luyện kỹ để học sinh nắm được bài toán đầy đủ, chính xác. Tôi đã hướng dẫn học sinh tóm tắt một cách khoa học, chính xác. Có thể tóm tắt bằng cách dùng lời hoặc dùng sơ đồ đoạn thẳng tùy theo nội dung của bài toán và tùy theo từng giai đoạn học tập. Trong thời gian đầu, chủ yếu tôi hướng dẫn học sinh tóm tắt bằng lời; sau đó hướng dẫn các em tóm tắt bằng sơ đồ.

Ví dụ: Bài 1 (trang 36)

Lọ hoa có 9 bông hoa. Viẹt cắm thêm 6 bông hoa. Hỏi lọ hoa có tất cả bao nhiêu bông hoa?

Tóm tắt:

Có : ? bông hoa

Cắm thêm: ? bông hoa

Có tất cả : ... bông hoa?

3) Bước 3: Tìm cách giải bài toán

*** Chọn phép tính giải thích hợp**

Khi hướng dẫn học sinh giải toán, tôi gợi ý để các em tìm được mối liên hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm. Từ đó, các em sẽ lựa chọn được phép tính giải đúng. Để học sinh tìm được phép tính giải đúng, ở giai đoạn đầu của việc hình thành và rèn kĩ năng giải toán, tôi đã hướng dẫn các em thông qua các câu hỏi

gợi ý sau:

- Bài toán yêu cầu em tìm gì?
- Muốn tìm được “...”, em làm như thế nào?

Với những học sinh giỏi, tôi hỏi thêm: Vì sao em làm như vậy?

Điều này vừa giúp học sinh phát hiện ra sự kiện toán học bị che lấp bởi tình huống thực tế trong bài toán, đồng thời giúp các em phát triển khả năng định hướng giải quyết vấn đề trong quá trình giải toán.

Ngoài ra, tôi còn giúp học sinh củng cố ý nghĩa các phép tính và lựa chọn phép tính phù hợp với câu hỏi của bài toán. Tôi hướng dẫn học sinh lựa chọn phép tính giải như sau:

- + Chọn phép cộng nếu bài toán đòi hỏi “thêm” hoặc “gộp tất cả”.
- + Chọn phép trừ nếu “bớt” hoặc “tìm phần còn lại”.

Đến giai đoạn cuối, tôi để cho học sinh tự tìm phép tính giải không có sự gợi ý của cô và yêu cầu các em tự viết phép tính giải ra bảng con để tôi kiểm tra.

*** Đặt câu lời giải**

Việc đặt câu lời giải cho bài toán đối với học sinh lớp 2, nhất là những em tiếp thu chậm, còn rất lúng túng. Có em đặt các từ ngữ còn thiếu chính xác, có khi thiếu, có khi thừa, đôi lúc còn sai. Muốn có câu lời giải đầy đủ, chính xác, tôi đã hướng dẫn học sinh dựa vào câu hỏi của bài toán để đặt câu lời giải thích hợp. Câu lời giải là câu trả lời câu hỏi của bài toán, vì vậy chỉ cần bớt các từ dùng để hỏi trong câu hỏi như: “hỏi”, “mấy”, “bao nhiêu”, thêm các từ: “số”, “là” ta sẽ được câu lời giải thích hợp.

Có rất nhiều cách viết câu lời giải khác nhau, tôi hướng dẫn học sinh chọn câu lời giải thích hợp nhất, không bắt học sinh phải viết lời giải theo một kiểu.

4) Bước 4: Trình bày bài giải

Trình bày bài giải là bước quan trọng trong quá trình giải toán, thể hiện kết quả các bước trên. Bài giải của học sinh yêu cầu phải đầy đủ: Câu lời giải; phép tính và đáp số. Trong đó quy ước: Kết quả của phép tính có ghi tên đơn vị trong dấu ngoặc còn đáp số thì ghi tên đơn vị không có dấu ngoặc. Để học sinh có kỹ năng trình bày bài giải, với những bài toán có lời văn đầu tiên, tôi trình bày bài giải thật chuẩn mực trên bảng lớp cho học sinh học tập, sau đó các em tự trình bày bài giải vào vở. Ngoài ra, tôi còn thường xuyên kiểm tra, nhận xét, chữa bài cho các em thật tỉ mỉ, chu đáo, chính xác, rõ ràng. Giúp học sinh sửa chữa những sai sót một cách kịp thời. Đồng thời, trong các giờ hướng dẫn giải toán, tôi thường xuyên củng cố các thành tố của bài giải để học sinh ghi nhớ và thực hiện.

Bài giải gồm có:

- + Câu lời giải.

+ Phép tính bài toán.

+ Đáp số.

Ví dụ: Bài 1 (trang 38)

Bài giải

Số bông hoa có tất cả là:

$$9 + 6 = 15 \text{ (bông)}$$

Đáp số: 15 bông hoa.

5) Bước 5: Kiểm tra lại bài giải

Học sinh lớp 2 thường có thói quen khi làm bài xong không xem hay không kiểm tra lại bài đã làm. Tôi đã giúp các em xây dựng thói quen học tập này trong mỗi giờ học. Cụ thể:

- Tập cho học sinh có thói quen kiểm tra lời giải của bài toán và xét tính đúng đắn của đáp số.
- Hướng dẫn học sinh tìm cách giải hoặc câu lời giải khác.
- Cho học sinh giải nhiều bài toán từ việc khai thác bài toán đã làm.
- Rút ra kết luận cần thiết mỗi khi giải xong một bài toán.

Khi làm được như vậy, học sinh sẽ hiểu vấn đề sâu sắc hơn, chắc chắn hơn, tư duy và ngôn ngữ của học sinh sẽ phát triển hơn.

c. Biện pháp 3: Thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Tôi thiết kế Kế hoạch dạy học theo tinh thần đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp dạy học, với tinh thần “dạy học là tổ chức cho học sinh hoạt động để tự tiếp thu kiến thức và phát triển năng lực”. Cấu trúc một bài dạy Toán bao gồm các hoạt động:

*** Mở đầu:**

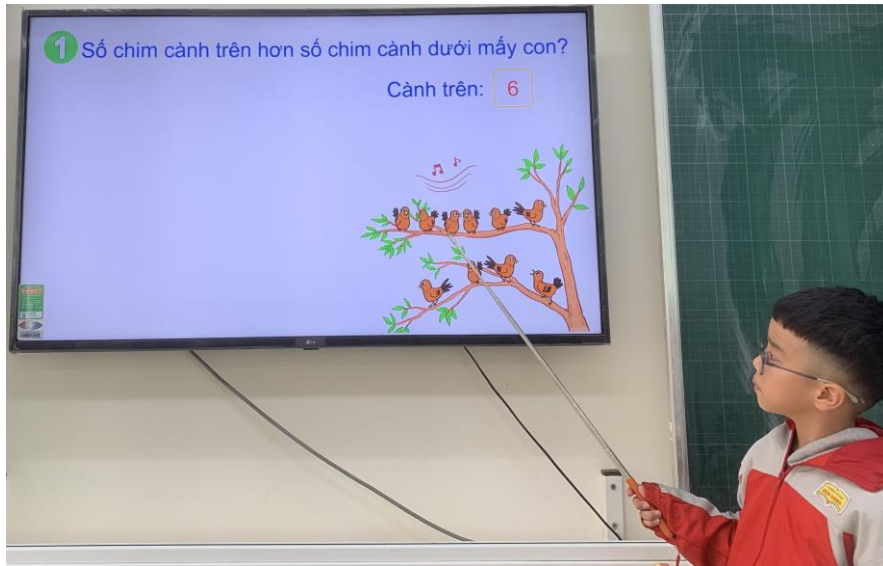
Hoạt động khởi động thường chỉ chiếm một vài phút đầu giờ nhưng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc kích hoạt sự tích cực, hứng thú của học sinh. Khi có hứng thú học tập, học sinh sẽ có cảm giác dễ chịu với hoạt động học của mình, từ đó tích cực và sáng tạo để chiếm lĩnh tri thức.

Hoạt động khởi động bài học được sử dụng bằng cách đưa ra tình huống có vấn đề liên quan đến bài học (hoặc kết nối bài cũ - bài mới), trò chơi vận động, vận động theo xem clip, bài hát ... Chủ yếu là tạo không khí phấn khởi (có thể không liên quan đến nội dung bài học mới) khi vào bài học mới.

*** Khám phá:**

Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn học sinh tự mình tìm tòi, khám phá, chiếm lĩnh kiến thức. Học sinh là người chủ động, tích cực học tập, hợp tác với người khác để kiến tạo kiến thức. Trong tất cả các bài học đều có quá trình trải

nghiệm và học sinh tự mình phân tích, cùng phân tích khám phá và rút ra được kiến thức theo yêu cầu của hoạt động.



Học sinh tích cực tham gia khám phá kiến thức mới.

Học sinh được nghe nhận xét, đánh giá về kết quả (sản phẩm) hoạt động của mình, được tư vấn, hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ. Ý kiến tư vấn, hỗ trợ, hay đánh giá sản phẩm có thể là của bạn trong nhóm, ngoài nhóm (trong lớp), hoặc của giáo viên. Giáo viên có thể kết luận lại vấn đề học sinh nêu ra.

*** Luyện tập, thực hành:**

Tôi tổ chức cho học sinh giải quyết các nhiệm vụ hay các bài tập để tự học sinh khắc sâu kiến thức đã khám phá hoặc phát triển kiến thức đó trở thành kiến thức mới.

- Ở hoạt động này, tôi chỉ nêu các lệnh điều hành:

+ Nêu nhiệm vụ tổng quát

+ Yêu cầu cần thực hiện.

*** Vận dụng, trải nghiệm:** Vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết các vấn đề thực tế đơn giản xung quanh trong cuộc sống. Đây là một nội dung cần được chú ý, đưa vào kế hoạch và được kiểm tra sau khi học sinh thực hiện. Đảm bảo tất cả học sinh đã thực hiện bài tập vận dụng do giáo viên giao (trừ vấn đề không thể vận dụng). Vấn đề vận dụng có thể ngay trong lớp học, trong khu vực trường hoặc ở nhà hay cộng đồng. Các nội dung ở nhà, cộng đồng (có thể được trợ giúp hoặc hướng dẫn của người khác) được các em ghi lại, kể lại ở tiết sau cho giáo viên và các bạn cùng biết.

d. Biện pháp 4: Vận dụng phương pháp, hình thức dạy học tích cực, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

Trong dạy học, tôi tạo điều kiện để học sinh cần phải phát huy vai trò trung tâm của mình như: tự phát hiện vấn đề, tự tìm kiếm kiến thức, hăng hái thảo luận để chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng học tập. Tôi vận dụng linh hoạt

các phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh. Kết hợp với việc kiểm tra, chữa bài và nhận xét thường xuyên cho học sinh. Cụ thể:

* **Về phương pháp:** Hướng dẫn học sinh tổ chức các hoạt động học tập của mình. Học sinh biết hợp tác và thông qua sự tương tác giữa các thành viên trong nhóm, học sinh hoàn toàn chủ động để khám phá và tìm ra tri thức. Học sinh tự đánh giá bản thân mình và được bạn bè đánh giá thông qua hoạt động nhóm.

* **Về hình thức:** Tôi thay đổi một số hình thức lên lớp mà trong đó giáo viên mang tính chủ đạo sang các hoạt động học sinh tự tổ chức các hoạt động học tập của cá nhân, nhóm, lớp... thông qua các lệnh.

Ví dụ: Trong hoạt động luyện tập, tôi hướng dẫn học sinh tự tổ chức hoạt động trong nhóm. Các em thảo luận cùng đưa ra cách làm, tự hoàn thành phần việc của mình. Sau đó, các em đổi chéo bài, kiểm tra lẫn nhau. Có điều gì còn thắc mắc, trưởng nhóm sẽ báo cáo trước lớp, Các thành viên khác hoặc giáo viên cùng nhau giải quyết vấn đề.

Ví dụ: Bài 4: Giải toán (hình thức: cả lớp, phương pháp: vấn đáp, giải quyết vấn đề).

Lúc đầu trên xe có 12 bạn, sau đó 3 bạn xuống xe. Hỏi trên xe còn lại bao nhiêu bạn?

--	--	--	--	--



Trả lời: Trên xe còn lạibạn ?

Sau khi gọi 2 – 3 học sinh đọc đề bài toán, tôi hỏi để học sinh trả lời:

- + Bài toán cho biết gì ? (Lúc đầu trên xe có 12 bạn, sau đó 3 bạn xuống xe.).
- + Bài toán hỏi gì ? (Hỏi trên xe còn lại bao nhiêu bạn ?)
- + Để biết trên xe còn lại bao nhiêu bạn, ta thực hiện phép tính gì ? (Thực hiện phép trừ: $12 - 3$)

Tôi yêu cầu học sinh giải bài toán vào vở, gọi 2 học sinh thi đua trình bày bài giải trên bảng lớp, các em còn lại quan sát và nhận xét.

Như vậy, chúng ta thấy rằng khi giáo viên kết hợp nhiều hình thức và phương pháp dạy học khác nhau vào giảng dạy sẽ giúp học sinh ham thích học toán vì các em được vừa học vừa chơi, không khí học tập rất thoải mái, các em dễ tiếp thu bài hơn, tích cực hoạt động và đạt kết quả học tập tốt hơn.

Nếu như trước kia chỉ là giáo viên hỏi - học sinh trả lời thì nay tôi tổ chức cho học sinh trao đổi, thảo luận dưới nhiều hình thức: ngoài việc giáo viên hỏi - học sinh trả lời ra thì còn học sinh hỏi - học sinh khác trả lời hoặc học sinh hỏi - giáo viên trả lời,... Song yêu cầu đặt ra ở đây là câu hỏi đưa ra thế nào để dẫn dắt học sinh tự tìm tòi khám phá. Trong quá trình dạy, tôi luôn tôn trọng ý kiến của học sinh, giải đáp mọi ý kiến thắc mắc của học sinh dù là một ý kiến nhỏ. Những ý kiến mà học sinh có thể giải đáp cho nhau được thì tôi khuyến khích để học sinh năng khiếu tự giải đáp cho bạn. Hình thức này vừa phát huy được sự phát triển của đối tượng học sinh này mà học sinh chậm không thấy mình bị bỏ rơi. Nhờ đó đã tạo cho học sinh sự mạnh dạn, tự tin phát biểu trước đông người.

Với cách làm như vậy, tôi thấy tất cả học sinh trong lớp đều được hoạt động, vì vậy các em rất hứng thú tham gia vào thảo luận nhóm: làm bài, sửa sai cho bạn. Không chỉ những em có năng khiếu mà cả những em học chưa tốt trong từng nhóm cũng được chủ động tham gia, đều được rèn kỹ năng luyện tập thực hành, rèn kỹ năng giao tiếp tự tin hơn, mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình.

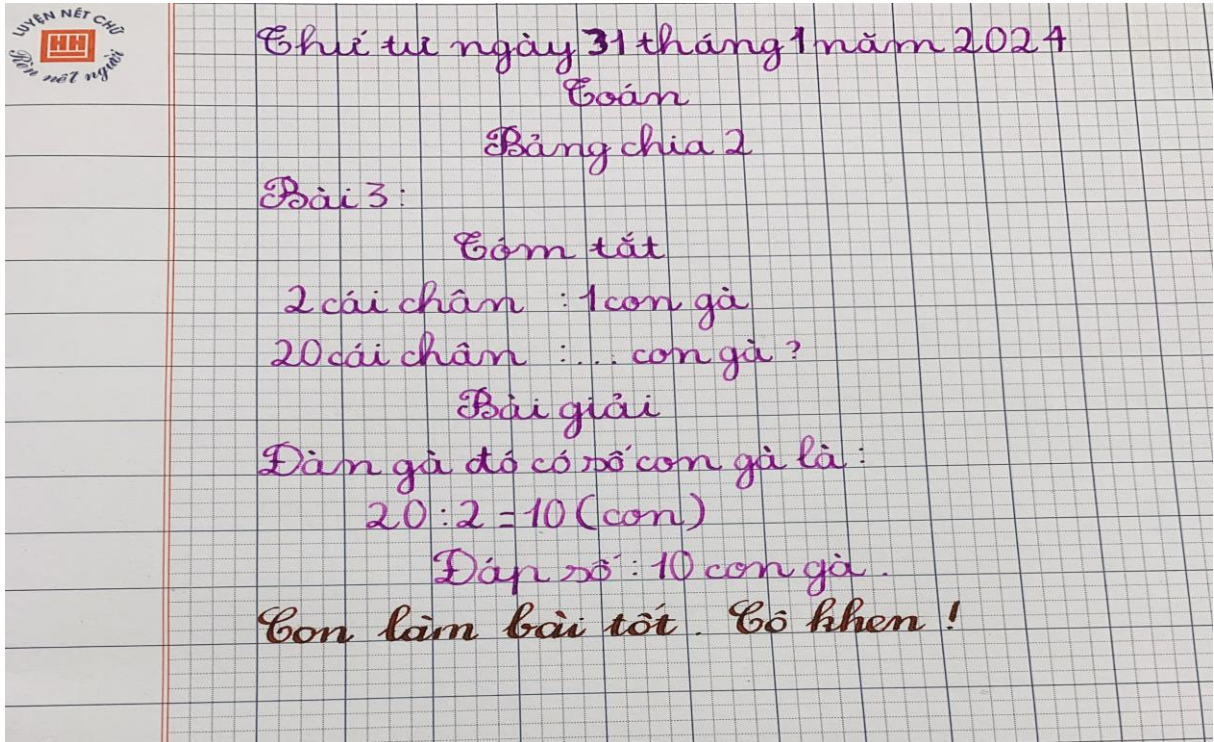
4. HIỆU QUẢ CỦA THỰC HIỆN SÁNG KIẾN

4.1. Hiệu quả về khoa học

Tôi chọn lớp 2A là lớp tôi chủ nhiệm và giảng dạy làm lớp thực nghiệm. Sau thời gian nghiên cứu và áp dụng những biện pháp nâng cao tính tích cực, sáng tạo của học sinh trong dạy giải toán có lời văn; để biết được kết quả bước đầu của những biện pháp đó, tôi đã ra đề, tiến hành khảo sát môn Toán.

4.2. Kết quả về kinh tế

Qua thời gian nghiên cứu và áp dụng một số biện pháp giải toán có lời văn của lớp 2, tôi nhận thấy việc thực hiện giải toán có lời văn của học sinh lớp tôi phụ trách ngày càng tiến bộ rõ rệt. Học sinh nắm được kiến thức và thể hiện tư duy sáng tạo khi giải toán và đặc biệt học sinh đã tự phân tích được đề toán, tự tìm phép tính giải và câu lời giải thích hợp. Hầu hết các em đã biết cách giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn rất tốt.



Phần trình bày bài toán có lời văn của bạn Thùy Linh lớp 2A

Như vậy, các biện pháp hướng dẫn học sinh lớp 2 giải toán có lời văn như tôi đã trình bày ở trên đã có hiệu quả và được thực tế kiểm nghiệm. Bản thân tôi cũng thấy chất lượng môn Toán của lớp tôi tương đối tốt. Học sinh trong lớp đều đạt được trình độ chuẩn của Toán 2, nhiều học sinh thực hiện giải toán có lời văn tương đối nhanh, chính xác. Đặc biệt, nhiều em đã biết đặt đề toán mới cùng dạng với bài toán hoặc ngược lại với bài toán đó, viết được phép tính, đặt được đề toán phù hợp với phép tính vừa nêu... Trong các giờ học Toán, các em đều phát huy được khả năng của mình và rất hứng thú học Toán.

Sau khi kiểm tra , đánh giá tôi tổng hợp kết quả như sau:

Thời điểm	Số số	HS viết đúng câu lời giải		HS viết đúng phép tính		HS viết đúng đáp số		HS giải đúng cả 3 bước	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đầu năm	22	12	45,5	9	40,9	10	45,5	8	36,3
Cuối năm	22	18	81,1	16	72,7	17	77,2	17	77,2

Nhìn vào bảng trên cho thấy những biện pháp tôi áp dụng khá thành

công. Đầu năm có 8 học sinh giải toán đúng cả 3 bước đạt 36,3%, cuối năm có 17 học sinh đạt 77,2%, nâng tỉ lên 41% so với đầu năm.

Trong thời gian vừa qua, tôi áp dụng các biện pháp trên vào việc giảng dạy giải toán lời văn cho học sinh. Tôi thấy các biện pháp này giúp học sinh hoàn thành yêu cầu về năng lực, phẩm chất và phát huy được tính tích cực, sáng tạo của bản thân. Để đạt được hiệu quả cao hơn nữa, giáo viên cần đầu tư nhiều thời gian cho việc nghiên cứu, không ngừng sáng tạo, linh hoạt và chủ động xây dựng thiết kế bài dạy.

4.3 .Hiệu quả về xã hội :

Trong chương trình môn Toán cấp Tiểu học, môn Toán lớp 2 chiếm một vị trí quan trọng vì các kiến thức, nội dung bài học có nhiều ứng dụng trong đời sống xã hội. Tất cả kiến thức môn Toán đều được vận dụng vào thực tiễn, rất cần thiết trong cuộc sống của người lao động, trong quản lý và cần thiết cho rất nhiều ngành nghề khác trong xã hội. Đặc biệt là nội dung giải toán có lời văn. Việc áp dụng sáng kiến nâng cao ý thức trách nhiệm của giáo viên và học sinh trong giáo dục và học tập nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Các bài toán có lời văn ở lớp 2 có liên quan chặt chẽ với các kiến thức về số học, đại lượng. Nội dung các bài toán gắn liền với thực tiễn của học sinh. Việc giải toán có lời văn chính là giúp học sinh giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Nó không chỉ kích thích tư duy sáng tạo của học sinh, nó còn làm cho học sinh yêu thích môn học, ham thích khám phá, tìm tòi. Khi học sinh thực hiện tốt việc giải toán ở lớp 2 thì chắc chắn các em sẽ học tốt phần giải toán có lời văn ở các lớp trên. Vì vậy, việc hình thành và rèn các kĩ năng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 2 là hết sức cần thiết và quan trọng.

5. Tính khả thi.

Qua thời gian nghiên cứu, đồng thời áp dụng trong thực tế giảng dạy trên lớp, tôi nhận thấy sáng kiến này đã có hiệu quả trong việc giúp giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy và giúp học sinh nâng cao chất lượng, học tốt môn Toán hơn. Tôi hi vọng rằng những giải pháp của tôi đề ra sẽ được công nhận, được lan tỏa đến các bạn đồng nghiệp ở cùng trường và các trường bạn để cùng chia sẻ, học hỏi thêm kinh nghiệm của nhau, đồng thời tôi cũng rất mong được sự đóng góp, xây dựng của quý thầy cô để sáng kiến này được hoàn thiện hơn, giúp giáo viên và học sinh nâng cao chất lượng dạy – học môn Toán.

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến.

Sáng kiến được thực hiện từ tháng 9/ 2023 đến hết tháng 4/ 2024.

7. Kinh phí thực hiện đề tài sáng kiến .

- Đối với môn toán chúng ta cần thời gian nghiên cứu học hỏi, áp dụng công nghệ thông tin để tạo hứng thú cho học sinh trong tiết học.

- Kinh phi đề tài không đáng kể.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trong quá trình áp dụng phương pháp dạy học môn theo chương trình GD PT2018 tôi nhận thấy:

Mỗi giáo viên cần có sự đầu tư, nghiên cứu, chuẩn bị kĩ càng trước mỗi bài toán giải. Giáo viên phải luôn thay đổi phương pháp và hình thức dạy học cho phù hợp.

Việc hướng dẫn và giúp học sinh giải toán có lời văn nhằm giúp các em phát triển tư duy trí tuệ, tư duy phân tích và tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá, rèn luyện tốt phương pháp suy luận lô gic. Bên cạnh đó, đây là dạng toán rất gần gũi với đời sống thực tế.

Do vậy, việc giảng dạy bài toán có lời văn một cách hiệu quả nhằm giúp các em trở thành những con người linh hoạt, sáng tạo, làm chủ trong mọi lĩnh vực và trong cuộc sống thực tế hàng ngày.

Những kết quả mà tôi đã thu được trong quá trình giảng dạy không phải là cái mới so với kiến thức chung về môn toán ở bậc Tiểu học, song lại là cái mới đối với bản thân tôi, với mỗi bạn học sinh lớp 2. Trong quá trình giảng dạy, tôi đã phát hiện và rút ra nhiều kinh nghiệm lý thú và bổ ích về phương pháp dạy học giải toán có lời văn ở bậc tiểu học.

Qua thực tế giảng dạy môn toán ở trường tiểu học nói chung và lớp 2 nói riêng, tôi nhận thấy người giáo viên phải luôn tự tìm tòi, học hỏi, đúc rút kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Mỗi giáo viên cần có sự đầu tư, nghiên cứu, chuẩn bị kĩ càng trước mỗi bài toán, ở mỗi dạng toán cần hướng dẫn học sinh nhận dạng bằng cách: đọc kỹ, nghiên cứu đề, phân tích bằng nhiều phương pháp (Mô hình, sơ đồ đoạn thẳng, suy luận ...) để học sinh dễ hiểu, dễ nắm bắt nội dung bài hơn. Không nên dừng lại ở kết quả ban đầu (giải đúng bài toán) mà nên có yêu cầu cao hơn đối với học sinh là giải theo nhiều cách, chọn cách giải hay; tự đặt đề bài theo tóm tắt và giải bài toán một cách hợp lý, khoa học.

Giáo viên phải luôn thay đổi phương pháp và hình thức dạy học cho phù hợp với giờ học toán như: Tổ chức trò chơi, đồ vui, thảo luận nhóm,... phù hợp với từng đối tượng học sinh: *“Lấy học sinh làm trung tâm để hướng vào hoạt động học; thầy cô giáo là người tổ chức, hướng dẫn, đánh giá; học sinh chủ động trong nhận thức và giải toán”*.

Trong giảng dạy, giáo viên cần chú ý phát triển tư duy, khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng suy luận lô gic cho học sinh, nhằm giúp các em nắm vững kiến thức. Cụ thể: với bài toán có lời văn, đó là cách giải và trình bày lời giải. Giáo viên cần sử dụng tốt tất cả các phương pháp dạy học toán.

Trong khi thực hiện giải bài toán, giáo viên nên yêu cầu học sinh tự đặt câu hỏi: “*Thực hiện phép tính đó để làm gì ?*”, để các em có hướng giải đúng.

Giáo viên cần tạo cho học sinh có thói quen: Sau mỗi bài giải phải kiểm tra lại kết quả đã làm, nhằm giúp các em tự tin hơn khi giải quyết một vấn đề.

- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm kịp thời để giáo viên có cơ hội học hỏi, sửa sai.

- Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho giáo viên.

Mở các lớp tập huấn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giúp giáo viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và học hỏi lẫn nhau.

Tổ chức các chuyên đề, hội thảo để giáo viên học hỏi, vận dụng trong quá trình dạy học.

Trên đây là một số kinh nghiệm của bản thân qua thực tế giảng dạy lớp 2A trong các nhà trường nói chung. Trường PTCS Hợp Nhất nói riêng. Để hoàn thành được đề tài này tôi được sự giúp đỡ của các đồng chí trong Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn và các anh chị đồng nghiệp. Bản thân tôi đã cố gắng rất nhiều nhưng chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của các đồng chí lãnh đạo, để đề tài này hoàn thiện hơn và được áp dụng thực tế trong các Nhà trường. Góp phần cho việc giảng dạy bài toán có lời văn trong chương trình lớp 2 đạt hiệu quả cao.

CAM KẾT

Tôi xin cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền: Các biện pháp đã triển khai thực hiện và minh chứng về sự tiến bộ của học sinh là trung thực.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

Xác nhận của cơ quan
(Ký tên ,đóng dấu)

Ba vì, ngày 05 thán g5 năm 2024
Người viết

Đinh Thị Xuân